| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NÔNG CỐNG**<br>**TỈNH THANH HÓA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **18**/2019/HS-ST
Ngày 29-3-2019

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG TỈNH THANH HÓA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Tình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Lê Anh Nhất
- Ông Lê Tuấn Việt

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Văn Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2019/TLST - HS ngày 21 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

**Nguyễn Trọng N**, sinh năm 1989; sinh và trú tại: Thôn T, xã T1, huyện N1, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Công T2 và bà Nguyễn Thị M; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ 09 ngày từ ngày 14/8/2018 đến ngày 23/8/2018 chuyển tạm giam, ngày 07/01/2019 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lĩnh; có mặt.

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn Đ, xã T3, huyện N1, tỉnh Thanh Hoá,

- *Người làm chứng :*

**1**. Anh Trần Văn C, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Trú tại : Thôn T, xã T1, huyện N1, Tỉnh Thanh Hóa;

**2**. Anh Nguyễn Trọng T3, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Trú tại : Thôn T, xã T1, huyện N1, Tỉnh Thanh Hóa

**3.** Anh Lê Quang H1, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Trú tại: Phường T4, Thành phố T5, tỉnh Thanh Hóa.

**4.** Anh Vũ Việt H1, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Trú tại: Số 102 Lm, phường B, thành phố T5, tỉnh Thanh Hóa.

**5**. Anh Lê Xuân B1, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Trú tại : Phố M1, xã V, huyện N1, tỉnh Thanh Hóa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 20/07/2018, Nguyễn Trọng N nhờ Trần Văn C chở đến nhà anh Nguyễn Thanh H uống cà phê. C đồng ý và dùng xe mô tô nhãn hiệu Honda SH màu đỏ - đen, biển kiểm soát 36B5-606.86 chở N đến nhà H. Đến nơi thấy quán nhà H đóng cửa. N bảo C đi về, còn N ở lại nảy sinh ý định trộm cắp. N trèo tường rào vào phía sau nhà anh H, nhìn thấy cửa sau không khóa. N đi vào phòng thấy anh H đang nằm ngủ, trên giường có 01 chiếc điện thoại Iphone 6 Plus màu trắng, trên nắp tủ có 01 chùm chìa khóa nhà và chìa khóa xe máy. N lấy chiếc điện thoại và chùm chìa khóa bỏ vào túi quần rồi đi theo lối cũ ra ngoài mở khóa nhà và khóa cổng lấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner màu đen, biển kiểm soát 36B6-264.83 đem đến nhà ông Lê Duy K gửi xe rồi về nhà.

Chiều ngày 21/07/2018 N gọi điện cho em họ là Nguyễn Trọng T3 bảo đang cần tiền nên nhờ T3 hỏi xem có chỗ nào cầm cố xe máy không, cho cầm cố mấy ngày. T3 đồng ý và dẫn N mang xe đi cầm cố. N và T3 đi taxi đến nhà ông K lấy xe rồi cả 2 đi ra thành phố T5, T3 gọi điện cho Lê Quang H1 nhờ H1 đưa N đi cầm cố xe tại nhà Vũ Việt H1. Do Vũ Việt H1 không còn kinh doanh dịch vụ cầm đồ nên không đồng ý nhận cầm cố xe của N. N nói với Vũ Việt H1 cho vay tiền và để lại xe mô tô làm tin, hai ngày sau sẽ mang tiền trả lại. Vũ Việt H1 đồng ý, đưa cho N 10.000.000 đồng, N cho lại Vũ Việt H1 2.000.000đ rồi quay lại nhà nghỉ đón T3 về.

Ngày 23/07/2018 đến hẹn nhưng không thấy N đến trả tiền và lấy lại xe nên Vũ Việt H1 gọi điện cho Lê Quang H1. Do không liên lạc được với N, Lê Quang H1 đã chủ động bỏ số tiền là 8.000.000 đồng trả cho Vũ Việt H1 và lấy xe về.

Ngày 30/07/2018, Lê Quang H1 cho bạn là Dương Minh D mượn xe mô tô (xe N để lại nhà Vũ Việt H1) tham gia giao thông thì bị Công an phường Đông Hương, thành phố T5 tạm giữ phương tiện do xe không có biển kiểm soát và không có giấy tờ. Ngày 13/08/2018 Công an phường Đông Hương, thành phố T5 bàn giao xe mô tô cho Công an huyện Nông Cống.

Ngày 25/07/2018, Nguyễn Trọng N mang chiếc điện thoại Iphone 6Plus màu trắng đến nhà anh Lê Xuân B1, ở khu phố M1, xã V, huyện N1 bán được 2.500.000đ.

Ngày 21/07/2018 anh Nguyễn Thanh H nghi ngờ cho N lấy tài sản nên đã báo Công an huyện Nông Cống. Tài sản bị mất gồm: 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu trắng mua năm 2017 trị giá 12.500.000đ; 01 xe máy nhãn hiệu Honda Winner biển kiểm soát 36B6-264.83 mua tháng 12/2017 trị giá 44.000.000đ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 44/ĐGTS ngày 15/08/2018 kết luận: 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu trắng giá trị 5.000.000đ; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Winner màu đen, BKS: 36B6-264.83 trị giá 35.000.000đ. Tổng tài sản được định giá 40.000.000đ.

- Đối với Trần Văn C được N nhờ chở xuống nhà anh H để uống cà phê. C không biết việc N ở lại để trộm cắp tài sản nên không có căn cứ để xử lý C.

- Đối với Nguyễn Trọng T3 là người được N nhờ tìm chỗ cầm cố xe mô tô, T3 không biết xe mô tô đó là tài sản trộm cắp nên không có căn cứ để xử lý T3.

- Đối với Lê Quang H1, khi T3 dẫn N xuống gặp H1, N nói với H1 do cần tiền nên cần tìm chỗ cầm cố chiếc xe mô tô mà N mượn của người quen. Vì vậy không có căn cứ để xử lý H1 về hành vi đồng phạm với vai trò giúp sức.

- Đối với Vũ Việt H1, khi N đến nhà H1 vay số tiền 10.000.000đ và đã chủ động để lại xe mô tô để làm tin. N nói xe mượn của người quen. H1 không biết đó là tài sản do N trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý H1 về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

- Đối với Lê Xuân B1, khi mua điện thoại của N, B1 không biết đó là tài sản do N trộm cắp mà có nên không có cơ sở xử lý B1 về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Ngày 23/08/2018 ông Nguyễn Công T2 (bố bị cáo) đến CQĐT nộp 10.500.000đ để hoàn trả cho Lê Quang H1 và Lê Xuân B1.

Ngày 29/09/2018, CQĐT Công an huyện Nông Cống đã giao cho Lê Xuân B1 số tiền 2.500.000đ; ngày 30/10/2018 giao cho Lê Quang H1 số tiền 8.000.000đ.

Ngày 31/08/2018 CQĐT Công an huyện Nông Cống đã trả lại cho anh Nguyễn Thanh H 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus và 01 xe mô tô BKS 36B6-264.83. Người bị hại nhận tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, màu đỏ - đen BKS 36B5-606.86, sau khi điều tra xác minh thuộc sở hữu của ông Trần Văn T6 nên ngày 25/09/2018 CQĐT Công an huyện Nông Cống đã trả lại cho ông T6.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nói sau cùng của bị cáo hứa sửa chữa, không tái phạm, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo tại địa phương.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 BLHS đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo N từ 30 đến 36 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian tạm giữ, tạm giam của bị cáo được tính để trừ vào thời gian chấp hành hình phạt. Đề nghị khấu trừ thu nhập từ 10% đến 15%. Về trách nhiệm dân sự: Bi hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu thêm gì nên không đề nghị xem xét. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1]** Về hành vi, quyết định tố tụng của CQĐT Công an huyện Nông Cống, Điều tra viên, VKSND huyện Nông Cống, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

**[2]** Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ được trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở chứng minh: Vào khoảng 21 giờ ngày 20/7/2018 tại nhà anh Nguyễn Thanh H thôn Đ, xã T3, huyện N1, tỉnh Thanh Hóa, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của bị hại, bị cáo đã trèo tường vào nhà anh H trộm cắp 01 điện thoại Iphone 6 Plus trị

giá 5.000.000đ và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại xe Winner BKS: 36B6-264.83 trị giá 35.000.000đ. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được HĐĐG tài sản huyện Nông Cống xác định là 40.000.000đ thuộc định lượng quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Như vậy, cáo trạng của VKSND huyện Nông Cống truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS là đúng người, đúng tội, phù hợp quy định pháp luật.

**[3]** Đánh giá tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an trên địa bàn. Lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Vì vậy, cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, đồng thời góp phần răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

**[4]** Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng mà có các tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; sau khi phạm tội đã ra đầu thú, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, bố bị cáo được tặng thưởng Huân chương chiến công quy định khoản 2 Điều 51 BLHS.

**[5]** Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên chưa cần thiết áp dụng hình phạt tù, mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là phù hợp với Điều 36 BLHS. Thời gian tạm giữ, tạm giam của bị cáo là 4 tháng 24 ngày được quy đổi bằng 14 tháng 12 ngày cải tại không giam giữ và được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập của bị 15% trên mức nhập tại địa phương là 2.100.000đ/tháng.

**[6]** Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

**[7]** Về án phí: Bị cáo có tội, bị kết án và không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng N phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 BLHS:

Xử phạt Nguyễn Trọng N 36 tháng cải tạo không giam giữ, được 14 tháng 12 ngày; bị cáo còn phải chấp hành 21 tháng 8 ngày. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày UBND xã T1, huyện N1, tỉnh Thanh Hóa nhận được Quyết định thi hành án.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo 21 tháng x 2.100.000đ x 15% = 6.615.000đ.

Giao bị cáo cho UBND xã T1, huyện N1, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc UBND cấp xã trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ dân sự.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội: Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí HSST.

Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải Thi hành án dân sự có quyền tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***:
- Bị cáo, bị hại;
- VKSND huyện Nông Cống;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Công an huyện Nông Cống;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Sở tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ; văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**
(đã ký)

**Nguyễn Văn Tình**